

Bản án số: 249/2019/HS-PT
Ngày: 11-9-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự

Các Thẩm phán: Ông Võ Ngọc Thông
Ông Nguyễn Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Mỹ Thảo - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Xuân Ân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 133/2019/TLPT-HS ngày 05 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo **Lê Thị H** về tội: “*Kinh doanh trái phép*”.

Do có kháng cáo của bị cáo và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với bản án hình sự sơ thẩm số 05/2019/HS-ST ngày 22-01-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Lê Thị H, sinh ngày 09 tháng 10 năm 1958; Nơi ĐKKHKT: 6/7 đường L, phường Th, thành phố H4; Nơi tạm trú: Thôn NT, xã PT, huyện P, tỉnh TT Huế; Nghề nghiệp: Nguyên Chủ nhiệm Hợp tác xã Thương mại dịch vụ TT; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê U (đã chết) và bà: Nguyễn Thị Đ (đã chết); Chồng: Nguyễn Văn Th1, sinh năm 1956. Con: có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:**

- Ông **Nguyễn Anh T1**, sinh năm 1945; nơi cư trú: thành phố H4, tỉnh Thừa Thiên Huế, (vắng mặt).

- Bà **Phạm Thị H1**; nơi cư trú: thành phố H4, tỉnh Thừa Thiên Huế, (vắng mặt).

- Ông **Nguyễn Minh P1**; sinh năm 1940; nơi cư trú: phường T3, thành phố H4, tỉnh Thừa Thiên Huế, (vắng mặt).

- Bà **Nguyễn Thị Hồng S**; nơi cư trú: phường T3, thành phố H4, tỉnh Thừa Thiên Huế, (vắng mặt).

* *Bị đơn dân sự*: Hợp tác xã Thương mại dịch vụ TT;

Địa chỉ: 92 Đường Đ1, phường Th, thành phố H4, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn L1 – Quyền Trưởng Ban quản trị Hợp tác xã; (có mặt).

Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hợp tác xã Thương mại dịch vụ TT được thành lập theo Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 14/3/1998 của Ủy ban nhân dân thành phố H4. Kế thừa toàn bộ tài sản, vốn các ngành nghề kinh doanh đã đăng ký trước đó của Hợp tác xã mua bán TT, có trụ sở tại 92 Đường Đ1, phường Th, thành phố H4 và có tư cách pháp nhân để hoạt động độc lập trong các quan hệ giao dịch.

Đến ngày 27 tháng 8 năm 2010, Hợp tác xã Thương mại dịch vụ TT đã 05 lần thay đổi đăng ký kinh doanh gồm các ngành nghề: Kinh doanh thương mại dịch vụ, các mặt hàng tiêu dùng phân phối các sản phẩm từ giấy và các sản phẩm vệ sinh khác, thuốc lá điều sản xuất trong nước, hoạt động đại lý các mặt hàng tiêu dùng, dịch vụ gia công, sản xuất, sửa chữa cơ khí, điện lạnh, điện máy, điện dân dụng, nước sạch sinh hoạt, dịch vụ ăn uống, sản xuất chế biến hàng lương thực, thực phẩm, kinh doanh siêu thị, dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng xe ô tô, hoạt động dạy nghề và nâng cao tay nghề, gia công các mặt hàng tiêu thủ công nghiệp, sản xuất bánh mỳ, bánh ngọt các loại, cung ứng phần mềm và thiết bị điện tử. Vốn điều lệ là 16.365.500.000 đồng (Mười sáu tỷ ba trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng).

Về cơ cấu tổ chức, gồm có:

- Ông Võ Q, Trưởng Ban quản trị, người đại diện theo pháp luật;
- Ông Nguyễn Văn L1, Ủy viên Ban quản trị;
- Bà Lê Thị H, Ủy viên Ban quản trị, Chủ nhiệm Hợp tác xã;

- Ông Võ L2, ông Phạm Hữu B và bà Đào Thị Kim Q1 - Phó Chủ nhiệm Hợp tác xã;

- Bà Phạm Thị Minh H2, Kế toán trưởng;

- Bà Tôn Nữ Thị H3, thủ quỹ

Hợp tác xã Thương mại dịch vụ TT có 02 công ty thành viên, gồm:

- Công ty TNHH MTV HT, địa chỉ: 64A đường Ph, thành phố H4 do bà Đào Thị Kim Q1 - Phó Chủ nhiệm hợp tác xã, kiêm Giám đốc công ty;

- Công ty TNHH MTV TT do bà Lê Thị H - Chủ nhiệm hợp tác xã, kiêm Giám đốc công ty.

Ngày 01 tháng 6 năm 2008, Ban quản trị Hợp tác xã Thương mại dịch vụ TT đã tiến hành họp, thành phần gồm:

- Ông Võ Q, Trưởng Ban quản trị;

- Ông Nguyễn Văn L1, thành viên Ban quản trị;

- Bà Lê Thị H, thành viên Ban quản trị, thư ký

Đã tiến hành bàn bạc và thống nhất: ... “ Huy động nguồn vốn nhân rồi trong nhân dân với lãi suất theo lãi suất vay vốn của Ngân hàng hoặc thỏa thuận bằng hình thức phát hành sổ tiết kiệm nội bộ, lãi suất có thể điều chỉnh theo từng thời điểm”.

Để thực hiện chủ trương này, Lê Thị H với tư cách là Chủ nhiệm hợp tác xã, đã trực tiếp soạn thảo mẫu sổ tiết kiệm, ký tên và đóng dấu của Hợp tác xã Thương mại dịch vụ TT để phát hành sổ tiết kiệm có thời hạn nhằm mục đích huy động vốn vay trong nhân dân.

Đến ngày 15 tháng 4 năm 2009, Ban quản trị Hợp tác xã Thương mại dịch vụ TT đã tiến hành họp và thống nhất: ... “Huy động nguồn vốn nhân rồi trong nhân dân với lãi suất vay vốn của ngân hàng”. Nhưng Lê Thị H không thực hiện chủ trương của Ban quản trị Hợp tác xã Thương mại dịch vụ TT, mà vẫn tiếp tục phát hành sổ tiết kiệm huy động vốn. Trong khoảng thời gian từ 01 tháng 6 năm 2008 đến tháng 12 năm 2013, do cần nguồn vốn để hoạt động kinh doanh, nên Lê Thị H đã phát hành 192 sổ tiết kiệm, huy động với tổng số tiền là 16.028.728.800 đồng trong nhân dân với lãi suất cao hơn so với lãi suất của ngân hàng, nhằm mục đích đưa vào quỹ hoạt động kinh doanh của Hợp tác xã tại tài khoản 338 mở tại Chi cục THT phố H, dùng để trả lãi suất và giảm vốn vay của người trước và lấy số vốn ngắn hạn để đầu tư dài hạn dẫn đến thua lỗ, nên mất khả năng thanh khoản và không có tiền để trả lại cho người dân.

Ngày 19 tháng 02 năm 2012, ông Võ Q có Giấy ủy quyền giao cho Lê Thị H làm người đại diện theo pháp luật, có toàn quyền quyết định mọi hoạt động kinh doanh của Hợp tác xã Thương mại dịch vụ TT.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra chỉ thu giữ được 134 sổ tiết kiệm, với tổng số tiền là 14.816.571.700 đồng, có 02 trường hợp đến làm việc nhưng bị mất sổ tiết

kiệm, với tổng số tiền 101.700.000 đồng. Trong đó: Sổ tiết kiệm phát hành trước ngày 01/01/2011 (trước khi Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 có hiệu lực) là 15 sổ tiết kiệm, với tổng số tiền là 2.106.144.000 đồng. Còn lại 56 sổ tiết kiệm, với tổng số tiền là 1.110.457.100 đồng không thu giữ được do người dân không có đơn trình báo với Cơ quan điều tra.

Như vậy, sau khi Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 có hiệu lực (kể từ ngày 01/01/2011), Hợp tác xã Thương mại dịch vụ TT không được Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Thừa Thiên Huế cấp giấy phép cho hợp tác xã được tổ chức các hoạt động huy động vốn bằng hình thức phát hành sổ tiết kiệm có thời hạn, Lê Thị H cùng với Võ Q, Phạm Thị Minh H2, Tôn Nữ Thu H3, Võ L2 và Phạm Hữu B tiếp tục phát hành trái phép 119 sổ tiết kiệm, huy động của 89 trường hợp, với tổng số tiền là 12.710.427.700 đồng. Cụ thể như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	NƠI CƯ TRÚ	SỐ TK	SỐ TIỀN
01	Lê Thị Bích H6	phường Th, thành phố H4	02	31.049.500 đồng
02	Võ Đình T4	phường A1, Thành phố H4	01	37.158.000 đồng
03	Võ Thị Kiều N	phường H19, quận L17, Tp Đà Nẵng	01	28.990.500 đồng
04	Võ Thị Hải H7	Tp Đà Nẵng	01	45.306.000 đồng
05	Phan Thị L4	phường A4, thành phố H4	01	81.580.000 đồng
06	Trần Thị V2	phường T3, thành phố H4	01	43.940.000 đồng
07	Nguyễn Quang T5	tỉnh TT Huế	02	409.674.000 đồng
08	Nguyễn Văn V3	phường Th, thành phố H4	01	99.263.000 đồng
09	Hoàng Xuân H8	phường T3, thành phố H4	02	549.000.000 đồng
10	Nguyễn Thị K	phường Th3, thành phố H4	01	19.600.000 đồng
11	Hà Văn L5	phường Ph2, thành phố H4	01	245.723.000 đồng
12	Lê Hà Ngân K1	phường Ph2, thành phố H4	01	60.270.000 đồng
13	Hà Trần Thùy D	phường Ph2, thành phố H4	01	115.640.000 đồng
14	Lê Vĩnh T6	phường Th, thành phố H4	01	63.700.000 đồng
15	Hồ Thị T7	phường Ph1, thành phố H4	01	119.400.000 đồng
16	Trần Thị Thu H9	Phường Đ3, Thành phố H4	01	5.620.000 đồng
17	Nguyễn Thị Giang H10	phường Th3, thành phố H4	01	30.400.000 đồng
18	Trương Thị L6	phường T3, thành phố H4	01	35.080.000 đồng
19	Tổng Thị T8	phường Th, thành phố H4	01	48.572.400 đồng
20	Trần Thị H11	phường Th3, thành phố H4	02	101.000.000 đồng
21	Bùi Thị Lập T9	phường V1, thành phố H4	01	131.962.000 đồng
22	Võ Thị Thu N1	02 Lê Lợi, thành phố H4	01	58.221.800 đồng
23	Nguyễn Hữu L7	thành phố H4	04	379.323.000 đồng
24	Hoàng Thị M	phường Ph3, thành phố H4	03	431.500.000 đồng
25	Phạm Thị Thanh	phường Th2, thành phố H4	01	19.500.000 đồng

	N2			
26	Bùi Văn C	phường Th3, thành phố H4	01	85.600.000 đồng
27	Đỗ Thị B1	phường Th, thành phố Huế	01	17.637.000 đồng
28	Ngô Thị A2	phường Th2, thành phố Huế	01	58.500.000 đồng
29	Huỳnh Kim Thanh X	phường Th, thành phố H4	01	13.400.000 đồng
30	Trần Thị Hoài X1	8phường T3, thành phố H4	01	87.440.000 đồng
31	Văn Thị Như Y	phường Tr, thành phố H4	01	48.500.000 đồng
32	Hà Khánh L8	phường Tr, thành phố H4	01	178.500.000 đồng
33	Nguyễn Văn N3	phường T3, thành phố H4	01	127.553.400 đồng
34	Nguyễn Thị H12	20 Ngô Gia Tự, phường V, thành phố H4	01	33.535.000 đồng
35	Đặng Thị Hồng G	phường Th3, thành phố H4	01	2.350.100 đồng
36	Nguyễn Thị Nhật T10	phường Th3, thành phố H4	01	99.518.900 đồng
37	Nguyễn Thị Hồng P2	phường Th, thành phố H4	02	69.447.300 đồng
38	Đoàn Thị T11	phường Th, thành phố H4	01	216.776.000 đồng
39	Nguyễn Minh P1	phường T3, thành phố H4	02	51.569.500 đồng
40	Nguyễn Thị Hồng S	01/57 Thánh Gióng, phường T3, thành phố H4	01	37.300.000 đồng
41	Lê P3	phường T3, thành phố H4	03	195.350.000 đồng
42	Nguyễn Đức H13	phường Th, thành phố H4	01	47.693.000 đồng
43	Nguyễn Văn T12	phường Ph4, Thành phố H4	01	98.000.000 đồng
44	Phạm Thị H14	274 Đường Đ1, phường Th2, thành phố H4	01	29.335.000 đồng
45	Nguyễn Anh T1	Thành phố H4	02	50.231.800 đồng
46	Phan Thị Kim N4	phường V, thành phố H4	01	21.812.000 đồng
47	Phan Thanh S1	phường Th, thành phố H4	01	67.138.500 đồng
48	Trần Thị T13	phường T3, thành phố H4	01	46.900.000 đồng
49	Nguyễn Thị Thanh B2	phường Th3, thành phố H4	01	98.132.500 đồng
50	Hồ Nhật L9	phường Th3, thành phố H4	01	10.394.000 đồng
51	Nguyễn Đức Minh	phường Th, thành phố H4	01	51.220.000 đồng
52	Nguyễn Thị L10	phường Th, thành phố H4	01	183.492.000 đồng
53	Nguyễn Thị Thúy L11	Lô G18 khu đô thị mới A, phường A, thành phố H4	01	18.850.000 đồng
54	Trần Thị H15	phường Th, thành phố H4	02	83.193.700 đồng
55	Đỗ Quang T14	phường Th3, thành phố H4	04	122.961.000 đồng
56	Nguyễn Thị Kim C1	phường Th, thành phố H4	01	8.600.000 đồng

57	Huỳnh Văn C2	Tổ 17 khu vực 5, phường Th4, thành phố H4	01	84.600.000 đồng
58	Phạm Thị C3	phường Th, thành phố H4	02	306.059.600 đồng
59	Nguyễn Hữu L12	phường Th, thành phố H4	02	31.999.800 đồng
60	Trần Thị Bích T15	huyện P, Thừa Thiên Huế	01	97.000.000 đồng
61	Hoàng Ngọc D1	phường Th2, thành phố H4	01	17.000.000 đồng
62	Nguyễn Khoa Diệu T16	phường Th3, thành phố H4	01	424.302.200 đồng
63	Phạm Xuân T17	Phường Đ3, thành phố H4	01	89.331.000 đồng
64	Trần Thị L16	Phường Đ3, thành phố H4	01	47.520.000 đồng
65	Đào Thị Ngọc D2	Thừa Thiên Huế	01	238.889.100 đồng
66	Đào Thị N5	Thừa Thiên Huế	01	227.883.300 đồng
67	Hoàng Thị Hương G1	thành phố H4	01	116.011.500 đồng
68	Nguyễn Thế S2	tỉnh Thừa Thiên Huế	02	551.846.000 đồng
69	Nguyễn Thị P4	Phường Đ3, thành phố H4	01	61.400.000 đồng
70	Hồ Thị Nam P5	Phường Đ3, thành phố H4	01	55.000.000 đồng
71	Hồ Thị C4	phường Th, thành phố H4	01	25.910.000 đồng
72	Huỳnh Thị L13	thành phố H4	01	32.800.000 đồng
73	Dương Thị H16	phường V1, thành phố H4	01	673.000.000 đồng
74	Võ Mạnh L14	phường Th3, thành phố H4	01	34.000.000 đồng
75	Lê Thị Thu Thủy	phường Th, thành phố H4	03	168.083.000 đồng
76	Phạm Thị Mai O	Tp Hồ Chí Minh	01	2.450.000 đồng
77	Hà Mai H17	phường Th, thành phố H4	01	49.000.000 đồng
78	Nguyễn Thị Ngọc A2	14 kiệt 390 Đường Đ1, phường Th2, thành phố H4	02	237.447.000 đồng
79	Nguyễn X2	47 La Sơn Phu Tử, phường T3, thành phố H4	01	19.692.000 đồng
80	Nguyễn Thị L15	14 kiệt 390 Đường Đ1, phường Th2, thành phố H4	04	91.466.500 đồng
81	Trần Thị H18	phường Th, thành phố H4	01	27.500.000 đồng
82	Nguyễn Thị Bích N6	phường V, thành phố H4	01	34.000.000 đồng
83	Phan Thị Trang Đ2	phường Tr, thành phố H4	01	88.640.000 đồng
84	Nguyễn Thị Ngọc A3	thành phố H4	01	162.888.300 đồng
85	Tôn Thất C5	phường T3, thành phố H4	01	20.400.000 đồng
86	Nguyễn Thị D3	12/16 Đường L3, phường Th2, thành phố H4	01	677.842.900 đồng
87	Phan Thị Thủy T2	60 Đường Đ1, phường Th, thành phố H4	03	803.600.000 đồng
88	Hoàng Ngọc H5	12/16 Đường L3, phường Th2, thành phố H4	02	1.411.745.600 đồng

89	Hoàng Ngọc T18	60 Đường Đ1, phường Th, thành phố H4	01	348.716.000 đồng
----	----------------	--------------------------------------	----	------------------

Trong đó, ông Võ Q với tư cách là Trưởng Ban quản trị Hợp tác xã Thương mại dịch vụ TT đã trực tiếp ký 02 sổ, với tổng số tiền là 1.411.745.600 đồng.

Lê Thị H với tư cách là Ủy viên Ban quản trị, Chủ nhiệm và người đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã Thương mại dịch vụ TT đã tổ chức phát hành 119 sổ tiết kiệm, huy động với tổng số tiền là 12.710.427.700 đồng (trong đó: trực tiếp ký phát hành 30 sổ tiết kiệm, với tổng số tiền là 4.355.680.400 đồng và 65 sổ tiết kiệm được phát hành chỉ đóng dấu của Hợp tác xã, không có chữ ký của Ban Chủ nhiệm, với tổng số tiền là: 5.710.554.700 đồng).

Võ L2 và Phạm Hữu B là Phó Chủ nhiệm Hợp tác xã Thương mại dịch vụ TT có chức năng, nhiệm vụ là giúp cho Chủ nhiệm trong việc quản lý, điều hành, tổ chức các hoạt động kinh doanh của Hợp tác xã. Mặc dù việc phát hành sổ tiết kiệm để huy động vốn không có sự bàn bạc, thống nhất trong Ban Chủ nhiệm Hợp tác xã, nhưng vẫn ký phát hành sổ tiết kiệm theo sự ủy quyền và chỉ đạo của Lê Thị H. Cụ thể Võ L2 trực tiếp ký phát hành 15 sổ tiết kiệm, với tổng số tiền là 894.337.000 đồng và Phạm Hữu B trực tiếp ký phát hành 07 sổ tiết kiệm, với tổng số tiền là 338.110.000 đồng.

Phạm Thị Minh H2 là Kế toán trưởng có chức năng, nhiệm vụ là giúp cho Chủ nhiệm trong việc quản lý thu, chi tài chính và chỉ thực hiện theo sự chỉ đạo của Chủ nhiệm Hợp tác xã, nên đã trực tiếp ký vào 101 sổ tiết kiệm, với tổng số tiền là 11.721.933.900 đồng.

Tôn Nữ Thu H3 là thủ quỹ có chức năng, nhiệm vụ là giúp cho Chủ nhiệm quản lý tài chính và chỉ thực hiện theo sự chỉ đạo của Chủ nhiệm Hợp tác xã, nên đã trực tiếp ký vào 94 sổ tiết kiệm, với tổng số tiền là 11.468.623.400 đồng.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

Sau khi vụ việc xảy ra, Hợp tác xã Thương mại dịch vụ TT đã nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 150.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả thiệt hại cho các bị hại.

Các bị hại yêu cầu Hợp tác xã Thương mại dịch vụ TT hoàn trả lại số tiền gốc đã gửi, với tổng số tiền là 11.298.682.100 đồng.

Chị Phan Thị Thủy T2 (sinh năm 1989, trú tại: 60 đường Đ1, phường Th, thành phố H4) đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Ngọc H5 (sinh năm 1982, trú tại: 12/16 Đường L3, phường Th2, thành phố H4, chồng chị T2) có biên bản thỏa thuận với ông Võ Q về dân sự và không yêu cầu Hợp tác xã Thương mại dịch vụ TT trả lại số tiền 1.411.745.600 đồng của 02 sổ tiết kiệm mang tên Hoàng Ngọc H5 do ông Võ Q ký phát hành. Đồng thời, chị Tiên cũng có đơn xin rút đơn tố cáo và yêu cầu không xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông Võ Q.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 05/2019/HS-ST ngày 22/01/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Thị H phạm tội “Kinh doanh trái phép”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 159 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s, t, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt:

Bị cáo Lê Thị H 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng các điều 579, 580, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự 2015, buộc Hợp tác xã Thương mại, dịch vụ TT phải bồi thường toàn bộ số tiền gốc đã huy động từ những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, cụ thể như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ TIỀN PHẢI BỒI THƯỜNG
01	Lê Thị Bích H6	31.049.500 đồng
02	Võ Đình T4	37.158.000 đồng
03	Võ Thị Kiều N	28.990.500 đồng
04	Võ Thị Hải H7	45.306.000 đồng
05	Phan Thị L4	81.580.000 đồng
06	Trần Thị V2	43.940.000 đồng
07	Nguyễn Quang T5	409.674.000 đồng
08	Nguyễn Văn V3	99.263.000 đồng
09	Hoàng Xuân H8	549.000.000 đồng
10	Nguyễn Thị K	19.600.000 đồng
11	Hà Văn L5	245.723.000 đồng
12	Lê Hà Ngân K1	60.270.000 đồng
13	Hà Trần Thùy D	115.640.000 đồng
14	Lê Vĩnh T6	63.700.000 đồng
15	Hồ Thị T7	119.400.000 đồng
16	Trần Thị Thu H9	5.620.000 đồng
17	Nguyễn Thị Giang H10	30.400.000 đồng
18	Trương Thị L6	35.080.000 đồng
19	Tổng Thị T8	48.572.400 đồng
20	Trần Thị H11	101.000.000 đồng
21	Bùi Thị Lập T9	131.962.000 đồng
22	Võ Thị Thu N1	58.221.800 đồng
23	Nguyễn Hữu L7	379.323.000 đồng

24	Hoàng Thị M	431.500.000 đồng
25	Phạm Thị Thanh N2	19.500.000 đồng
26	Bùi Văn C	85.600.000 đồng
27	Đỗ Thị B1	17.637.000 đồng
28	Ngô Thị A2	58.500.000 đồng
29	Huỳnh Kim Thanh X	13.400.000 đồng
30	Trần Thị Hoài X1	87.440.000 đồng
31	Văn Thị Như Y	48.500.000 đồng
32	Hà Khánh L8	178.500.000 đồng
33	Nguyễn Văn N3	127.553.400 đồng
34	Nguyễn Thị H12	33.535.000 đồng
35	Đặng Thị Hồng G	2.350.100 đồng
36	Nguyễn Thị Nhật T10	99.518.900 đồng
37	Nguyễn Thị Hồng P2	69.447.300 đồng
38	Đoàn Thị T11	216.776.000 đồng
39	Nguyễn Minh P1	51.569.500 đồng
40	Nguyễn Thị Hồng S	37.300.000 đồng
41	Lê P3	195.350.000 đồng
42	Nguyễn Đức H13	47.693.000 đồng
43	Nguyễn Văn T12	98.000.000 đồng
44	Phạm Thị H14	29.335.000 đồng
45	Nguyễn Anh T1	50.231.800 đồng
46	Phan Thị Kim N4	21.812.000 đồng
47	Phan Thanh S1	67.138.500 đồng
48	Trần Thị T13	46.900.000 đồng
49	Nguyễn Thị Thanh B2	98.132.500 đồng
50	Hồ Nhật L9	10.394.000 đồng
51	Nguyễn Đức Minh	51.220.000 đồng
52	Nguyễn Thị L10	183.492.000 đồng
53	Nguyễn Thị Thúy L11	18.850.000 đồng
54	Trần Thị H15	83.193.700 đồng
55	Đỗ Quang T14	122.961.000 đồng
56	Nguyễn Thị Kim C1	8.600.000 đồng
57	Huỳnh Văn C2	84.600.000 đồng

58	Phạm Thị C3	306.059.600 đồng
59	Nguyễn Hữu L12	31.999.800 đồng
60	Trần Thị Bích T15	97.000.000 đồng
61	Hoàng Ngọc D1	17.000.000 đồng
62	Nguyễn Khoa Diệu T16	424.302.200 đồng
63	Phạm Xuân T17	89.331.000 đồng
64	Trần Thị L16	47.520.000 đồng
65	Đào Thị Ngọc D2	238.889.100 đồng
66	Đào Thị N5	227.883.300 đồng
67	Hoàng Thị Hương G1	116.011.500 đồng
68	Nguyễn Thế S2	551.846.000 đồng
69	Nguyễn Thị P4	61.400.000 đồng
70	Hồ Thị Nam P5	55.000.000 đồng
71	Hồ Thị C4	25.910.000 đồng
72	Huỳnh Thị L13	32.800.000 đồng
73	Dương Thị H16	673.000.000 đồng
74	Võ Mạnh L4	34.000.000 đồng
75	Lê Thị Thu Thủy	168.083.000 đồng
76	Phạm Thị Mai O	2.450.000 đồng
77	Hà Mai H17	49.000.000 đồng
78	Nguyễn Thị Ngọc A2	237.447.000 đồng
79	Nguyễn X2	19.692.000 đồng
80	Nguyễn Thị L15	91.466.500 đồng
81	Trần Thị H18	27.500.000 đồng
82	Nguyễn Thị Bích N6	34.000.000 đồng
83	Phan Thị Trang Đ2	88.640.000 đồng
84	Nguyễn Thị Ngọc A3	162.888.300 đồng
85	Tôn Thất C5	20.400.000 đồng
86	Nguyễn Thị D3	677.842.900 đồng
87	Phan Thị Thủy T2	803.600.000 đồng
88	Hoàng Ngọc T18	348.716.000 đồng

Tổng cộng Hợp tác xã Thương mại, dịch vụ TT phải bồi thường cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan số tiền: 11.298.682.100 đồng. Hợp tác xã Thương mại dịch vụ TT đã nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 150.000.000 đồng, còn phải bồi thường 11.148.682.100 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 29/01/2019, bị cáo Lê Thị H kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

- Kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngày 25/01/2019, ông Nguyễn Anh T1, bà Phạm Thị H14 kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét buộc Hợp tác xã Thương mại dịch vụ TT và bà Lê Thị H phải liên đới trả lại số tiền đã huy động.

Ngày 08/02/2019, Ông Nguyễn Minh P1, bà Nguyễn Thị Hồng S kháng cáo với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không công bằng, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử lại thỏa đáng hơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Lê Thị H giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu:

Bị cáo Lê Thị H có hành vi phát hành sổ tiết kiệm không được Ngân hàng Nhà nước cho phép là vi phạm điều cấm theo qui định tại Luật Các tổ chức tín dụng 2010. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo tội: “Kinh doanh trái phép” là có căn cứ, đúng pháp luật. Xét bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều thành tích trong hoạt động kinh doanh, được tặng thưởng nhiều huy chương. Người bị hại được trả lãi trước khi khởi tố vụ án nên thiệt hại không lớn. Số tiền huy động được hợp tác xã sử dụng trong hoạt động kinh doanh nên hành vi của bị cáo chỉ xâm phạm hoạt động quản lý nhà nước về kinh tế, không xâm phạm sở hữu về tài sản của cá nhân. Bản án sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội nhiều lần là không đúng vì bị cáo đã bị xét xử theo tình tiết định khung tăng nặng tại điểm c khoản 2 Điều 159 Bộ luật Hình sự năm 1999. Mặt khác, Bộ luật Hình sự 2015 không còn qui định tội: “*Kinh doanh trái phép*”. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015, cho bị cáo được hưởng án treo.

Đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận vì Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc hợp tác xã trả toàn bộ nợ gốc là đúng pháp luật. Việc kê biên phong tỏa tài sản của hợp tác xã thuộc thẩm quyền của cơ quan thi hành án dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Thị H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung của bản án sơ thẩm. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2011 đến tháng 12/2013, do cần nguồn vốn để hoạt động kinh doanh, bị cáo Lê Thị H với tư cách là Chủ nhiệm, người đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã Thương mại dịch vụ TT đã soạn thảo sổ tiết kiệm, ký tên và đóng dấu hợp tác xã để phát hành sổ tiết kiệm có thời hạn nhằm mục đích huy động vốn của cá nhân trong khi Hợp tác xã Thương mại dịch vụ TT không được Ngân hàng Nhà nước cấp giấy phép kinh doanh hoạt động ngân hàng dưới hình thức phát hành sổ tiết kiệm có thời hạn để huy động vốn theo qui định tại Điều 8 Luật Các tổ chức tín dụng 2010. Bị cáo Lê Thị H đã phát hành trái phép 117 sổ tiết kiệm, huy động vốn trong nhân dân của 88 trường hợp, với tổng số tiền là 11.298.682.100 đồng.

[2] Hành vi của bị cáo Lê Thị H đã phạm tội: “*Kinh doanh trái phép*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 159 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Thị H, thấy: Hành vi của bị cáo xâm phạm hoạt động quản lý kinh tế của nhà nước, gây hậu quả nghiêm trọng. Mặc dù Bộ luật Hình sự 2015 không quy định tội: “*Kinh doanh trái phép*” nhưng hành vi tiến hành các hoạt động ngân hàng khi chưa được Ngân hàng nhà nước cho phép được qui định tại điểm k khoản 1 Điều 206 Bộ luật Hình sự 2015 về tội: “*Vi phạm qui định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng*”. Do đó, hành vi phát hành sổ tiết kiệm huy động vốn của các cá nhân khi chưa được Ngân hàng nhà nước cho phép vẫn có thể bị xem xét trách nhiệm hình sự theo qui định của Bộ luật Hình sự 2015. Trong 117 sổ tiết kiệm phát hành trái phép có 07 sổ tiết kiệm, mỗi sổ có số tiền gởi trên 300 triệu đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm vừa áp dụng điểm c khoản 2 Điều 159 Bộ luật Hình sự năm 1999 vừa áp dụng tình tiết tăng nặng: “*Phạm tội 02 lần trở lên*” qui định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm b, s, t, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo và xử phạt 09 tháng tù là đã thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới nên không có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và kháng cáo của bị cáo để giảm hình phạt và cho hưởng án treo.

[4] Xét kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Anh T1, bà Phạm Thị H1, ông Nguyễn Minh P1 và bà Nguyễn Thị Hồng S, thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc Hợp tác xã Thương mại dịch vụ TT phải trả số tiền gốc đã huy động là đúng pháp luật; do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Lê Thị H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị H.

Không chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Anh T1, bà Phạm Thị H1, ông Nguyễn Minh P1 và bà Nguyễn Thị Hồng S.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 05/2019/HS-ST ngày 22-01-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thị H phạm tội: “Kinh doanh trái phép”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 159 Bộ luật Hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s, t, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự 2015,

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị H 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng các điều 579, 580, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự 2015, buộc Hợp tác xã Thương mại dịch vụ TT phải bồi thường toàn bộ số tiền gốc đã huy động từ những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, cụ thể như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ TIỀN PHẢI BỒI THƯỜNG
01	Lê Thị Bích H6	31.049.500 đồng
02	Võ Đình T4	37.158.000 đồng
03	Võ Thị Kiều N	28.990.500 đồng
04	Võ Thị Hải H7	45.306.000 đồng
05	Phan Thị L4	81.580.000 đồng
06	Trần Thị V2	43.940.000 đồng
07	Nguyễn Quang T5	409.674.000 đồng

08	Nguyễn Văn V3	99.263.000 đồng
09	Hoàng Xuân H8	549.000.000 đồng
10	Nguyễn Thị K	19.600.000 đồng
11	Hà Văn L5	245.723.000 đồng
12	Lê Hà Ngân K1	60.270.000 đồng
13	Hà Trần Thùy D	115.640.000 đồng
14	Lê Vĩnh T6	63.700.000 đồng
15	Hồ Thị T7	119.400.000 đồng
16	Trần Thị Thu H9	5.620.000 đồng
17	Nguyễn Thị Giang H10	30.400.000 đồng
18	Trương Thị L6	35.080.000 đồng
19	Tổng Thị T8	48.572.400 đồng
20	Trần Thị H11	101.000.000 đồng
21	Bùi Thị Lập T9	131.962.000 đồng
22	Võ Thị Thu N1	58.221.800 đồng
23	Nguyễn Hữu L7	379.323.000 đồng
24	Hoàng Thị M	431.500.000 đồng
25	Phạm Thị Thanh N2	19.500.000 đồng
26	Bùi Văn C	85.600.000 đồng
27	Đỗ Thị B1	17.637.000 đồng
28	Ngô Thị A2	58.500.000 đồng
29	Huỳnh Kim Thanh X	13.400.000 đồng
30	Trần Thị Hoài X1	87.440.000 đồng
31	Văn Thị Như Y	48.500.000 đồng
32	Hà Khánh L8	178.500.000 đồng
33	Nguyễn Văn N3	127.553.400 đồng
34	Nguyễn Thị H12	33.535.000 đồng
35	Đặng Thị Hồng G	2.350.100 đồng
36	Nguyễn Thị Nhật T10	99.518.900 đồng
37	Nguyễn Thị Hồng P2	69.447.300 đồng
38	Đoàn Thị T11	216.776.000 đồng
39	Nguyễn Minh P1	51.569.500 đồng
40	Nguyễn Thị Hồng S	37.300.000 đồng
41	Lê P3	195.350.000 đồng

42	Nguyễn Đức H13	47.693.000 đồng
43	Nguyễn Văn T12	98.000.000 đồng
44	Phạm Thị H14	29.335.000 đồng
45	Nguyễn Anh T1	50.231.800 đồng
46	Phan Thị Kim N4	21.812.000 đồng
47	Phan Thanh S1	67.138.500 đồng
48	Trần Thị T13	46.900.000 đồng
49	Nguyễn Thị Thanh B2	98.132.500 đồng
50	Hồ Nhật L9	10.394.000 đồng
51	Nguyễn Đức Minh	51.220.000 đồng
52	Nguyễn Thị L10	183.492.000 đồng
53	Nguyễn Thị Thúy L11	18.850.000 đồng
54	Trần Thị H15	83.193.700 đồng
55	Đỗ Quang T14	122.961.000 đồng
56	Nguyễn Thị Kim C1	8.600.000 đồng
57	Huỳnh Văn C2	84.600.000 đồng
58	Phạm Thị C3	306.059.600 đồng
59	Nguyễn Hữu L12	31.999.800 đồng
60	Trần Thị Bích T15	97.000.000 đồng
61	Hoàng Ngọc D1	17.000.000 đồng
62	Nguyễn Khoa Diệu T16	424.302.200 đồng
63	Phạm Xuân T17	89.331.000 đồng
64	Trần Thị L16	47.520.000 đồng
65	Đào Thị Ngọc D2	238.889.100 đồng
66	Đào Thị N5	227.883.300 đồng
67	Hoàng Thị Hương G1	116.011.500 đồng
68	Nguyễn Thế S2	551.846.000 đồng
69	Nguyễn Thị P4	61.400.000 đồng
70	Hồ Thị Nam P5	55.000.000 đồng
71	Hồ Thị C4	25.910.000 đồng
72	Huỳnh Thị L13	32.800.000 đồng
73	Dương Thị H16	673.000.000 đồng
74	Võ Mạnh L4	34.000.000 đồng
75	Lê Thị Thu Thủy	168.083.000 đồng

76	Phạm Thị Mai O	2.450.000 đồng
77	Hà Mai H17	49.000.000 đồng
78	Nguyễn Thị Ngọc A2	237.447.000 đồng
79	Nguyễn X2	19.692.000 đồng
80	Nguyễn Thị L15	91.466.500 đồng
81	Trần Thị H18	27.500.000 đồng
82	Nguyễn Thị Bích N6	34.000.000 đồng
83	Phan Thị Trang Đ2	88.640.000 đồng
84	Nguyễn Thị Ngọc A3	162.888.300 đồng
85	Tôn Thất C5	20.400.000 đồng
86	Nguyễn Thị D3	677.842.900 đồng
87	Phan Thị Thủy T2	803.600.000 đồng
88	Hoàng Ngọc T18	348.716.000 đồng

Tổng cộng Hợp tác xã Thương mại dịch vụ TT phải bồi thường cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan số tiền: 11.298.682.100 đồng. Hợp tác xã Thương mại dịch vụ TT đã nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 150.000.000 đồng, còn phải bồi thường 11.148.682.100 đồng.

3. Án phí phúc thẩm:

Bị cáo Lê Thị H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm 200.000đ.

Ông Nguyễn Anh T1, bà Phạm Thị H1, ông Nguyễn Minh P1, bà Nguyễn Thị Hồng S; mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Tự